

Số: **64** /2015/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 16 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ
khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BKHCN ngày 19/9/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 878/TTr-SKH-CN ngày 01 tháng 10 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Thuận”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- TT. Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Báo Bình Thuận;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, TH, NCPC, VXDL. Việt.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Tiến Phương

QUY ĐỊNH

**Quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 64 /2015/QĐ-UBND
ngày 16 / 11 /2015 của UBND tỉnh Bình Thuận)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này hướng dẫn việc quản lý, tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có sử dụng (toàn bộ hoặc một phần) kinh phí từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh;
2. Các đơn vị quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh;
3. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
4. Các Hội đồng tư vấn về khoa học và công nghệ do thủ trưởng các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quyết định thành lập.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và viết tắt

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp cơ sở là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ của cơ sở và do Thủ trưởng cơ sở ký hợp đồng thực hiện bao gồm: Đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở và dự án khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Trong đó, đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp cơ sở bao gồm:

a) Đề tài nghiên cứu khoa học; nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, nghiên cứu cải tiến phát triển công nghệ; khảo nghiệm, thử nghiệm; nghiên cứu ứng dụng phương pháp mới được thực hiện ở các sở, ban, ngành;

b) Đề tài, dự án xây dựng, nhân rộng các mô hình khoa học công nghệ đã thành công từ các đề tài, dự án (khoa học công nghệ) cấp tỉnh hoặc các mô hình thành công từ các địa phương khác trong và ngoài tỉnh;

c) Đề tài, dự án ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn quản lý, sản xuất, đời sống của địa phương, của các sở, ban, ngành.

2. Cá nhân tham gia hoạt động khoa học công nghệ cấp cơ sở là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn và các cá nhân trong và ngoài tỉnh.

3. Bộ phận quản lý khoa học và công nghệ cơ sở là: Phòng Kinh tế (hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng) các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Phòng (ban, bộ phận) có chức năng theo dõi, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ thuộc các sở, ban, ngành.

4. Đơn vị cấp cơ sở là các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

5. Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở là Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố (đối với cấp huyện); người đứng đầu các sở, ban, ngành (đối với cấp ngành).

6. Tổ chức chủ trì là cơ quan trực tiếp tổ chức thực hiện các đề tài, dự án

7. Viết tắt:

a) Khoa học và công nghệ: KH&CN

b) Khoa học xã hội và nhân văn: KHXH&NV

Chương II

YÊU CẦU ĐỐI VỚI VIỆC XÁC ĐỊNH VÀ ĐIỀU KIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 4. Yêu cầu đối với việc xác định các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được xác định theo các yêu cầu sau:

1. Giải quyết các vấn đề cấp thiết của đơn vị, cơ sở, địa phương và của tỉnh;

2. Sự cần thiết xây dựng, nhân rộng các mô hình đã thành công từ các đề tài, dự án ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế xã hội ở địa phương;

3. Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở phải có tính mới, tính khả thi và phục vụ cho nhu cầu cần thiết của đơn vị chủ trì, của cơ sở, của địa phương và của tỉnh;

4. Hồ sơ đề xuất các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở phải có mục tiêu, nội dung và giải pháp tổ chức, khả năng phối hợp thực hiện hiệu quả, dự kiến kết quả, sản phẩm đạt được, phương pháp nghiên cứu phù hợp và cụ thể;

5. Sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở phải là luận cứ khoa học, cơ sở để xây dựng chính sách hoặc phát triển các sản phẩm như: giống mới, công nghệ, quy trình, mô hình ứng dụng đáp ứng các nhu cầu sản xuất đời sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững;

Điều 5. Điều kiện của tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Tổ chức chủ trì thực hiện phải có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ KH&CN, có đủ điều kiện về năng lực chuyên môn cần thiết cho việc triển khai đề tài, dự án thành công. Tổ chức chủ trì thực hiện có thể phối hợp với các cơ quan khác, các cá nhân khác có cơ sở vật chất, nhân lực chuyên môn để thực hiện nội dung đề tài, dự án.

2. Cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở phải có trình độ đại học trở lên và có ít nhất hai (02) năm kinh nghiệm công tác theo đúng lĩnh vực hoặc tương đương chuyên môn của đề tài, dự án đăng ký chủ trì thực hiện.

3. Cá nhân không được tham gia đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ vẫn đang chủ nhiệm hai (02) đề tài, dự án KH&CN cấp cơ sở, cấp tỉnh;

b) Có đề tài, dự án KH&CN cấp cơ sở nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu chậm so với thời hạn kết thúc hợp đồng nghiên cứu từ 30 ngày đến sáu (06) tháng mà không có ý kiến chấp thuận của đơn vị cấp cơ sở sẽ không được tham gia đăng ký chủ nhiệm đề tài, dự án trong thời gian một (01) năm;

c) Có đề tài, dự án KH&CN cấp cơ sở đã đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” mà không được gia hạn thời gian thực hiện để hoàn chỉnh kết quả hoặc được gia hạn nhưng hết thời hạn cho phép vẫn chưa hoàn thành kết quả sẽ không được tham

gia đăng ký chủ nhiệm trong vòng một (01) năm kể từ thời điểm có kết luận của hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở;

d) Cá nhân chủ nhiệm đề tài, dự án KH&CN các cấp có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện và truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ không tham gia đăng ký chủ nhiệm đề tài, dự án KH&CN cấp cơ sở trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

đ) Các tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước không thực hiện trách nhiệm báo cáo thông tin nhiệm vụ, giao nộp kết quả nghiên cứu, báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ sẽ không được tham gia đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN cho đến khi thực hiện xong các yêu cầu theo quy định.

4. Đơn vị cấp cơ sở tổ chức mở hồ sơ kiểm tra và xác nhận các điều kiện tham gia giao trực tiếp theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này.

Chương III

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, TỔ THẨM ĐỊNH VÀ BỘ PHẬN QUẢN LÝ CẤP CƠ SỞ

Điều 6. Trách nhiệm, tiêu chuẩn của Hội đồng KH&CN cấp cơ sở (sau đây gọi tắt là Hội đồng cơ sở)

Hội đồng cơ sở do thủ trưởng của sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quyết định thành lập.

1. Hội đồng cơ sở có trách nhiệm tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN; xét duyệt đề cương thuyết minh nhiệm vụ KH&CN; đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

2. Tiêu chuẩn, thành phần của Hội đồng cơ sở.

Thành viên Hội đồng cơ sở là các nhà khoa học, chuyên gia có uy tín, có trình độ chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà Hội đồng cơ sở đang xác định, xét duyệt, đánh giá nghiệm thu.

Hội đồng cơ sở gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên (gồm cả ủy viên phản biện).

3. Cá nhân thuộc các trường hợp sau không được là thành viên hội đồng xét

duyet hồ sơ nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

a) Cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở;

b) Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

4. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng.

a) Đánh giá một cách trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của hội đồng. Các thành viên hội đồng, chuyên gia (nếu có) và thư ký hội đồng có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá;

b) Nghiên cứu, phân tích từng nội dung và thông tin đã kê khai trong hồ sơ; nhận xét đánh giá mặt mạnh, mặt yếu và đánh giá chung từng hồ sơ theo các yêu cầu đã quy định; viết nhận xét - đánh giá và luận giải cho việc đánh giá; cho điểm, xếp loại theo các tiêu chí được quy định tại Điều 13 và Điều 23 của Quy định này;

c) Các thành viên hội đồng chấm điểm độc lập theo các nhóm tiêu chí đánh giá và thang điểm quy định. Trước khi chấm điểm, Hội đồng thảo luận chung để thống nhất quan điểm, phương thức cho điểm đối với từng tiêu chí.

Điều 7. Thành phần và trách nhiệm của tổ thẩm định

1. Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở gồm có từ 05 - 07 thành viên, trong đó:

a) Tổ trưởng tổ thẩm định là lãnh đạo đơn vị cấp cơ sở; đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố thì tổ trưởng tổ thẩm định là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Một (01) thành viên là trưởng bộ phận quản lý tài chính thuộc đơn vị cấp cơ sở; đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố thì thành viên là lãnh đạo bộ phận quản lý tài chính thuộc Sở Khoa học và Công nghệ;

c) Một (01) thành viên là chủ tịch hoặc chuyên gia phản biện của hội đồng xét duyệt tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở; đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố thì thành viên là cán bộ có chuyên môn liên quan đến lĩnh vực đề tài, dự án thực hiện;

d) Một (01) thành viên là chuyên gia về lĩnh vực của nhiệm vụ.

đ) Số thành viên còn lại thuộc bộ phận quản lý liên quan đến nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở thực hiện.

2. Trách nhiệm của tổ thẩm định

a) Chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả thẩm định của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của tổ thẩm định. Các thành viên tổ thẩm định, chuyên gia (nếu có) và thư ký có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình thẩm định kinh phí;

b) Thẩm định sự phù hợp của các nội dung nghiên cứu với kết luận của hội đồng, dự toán kinh phí của đề tài, dự án với chế độ quy định, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi tiêu hiện hành của nhà nước do các cơ quan có thẩm quyền ban hành để xác định: chi phí công cho các thành viên thực hiện; chi phí thuê chuyên gia; kinh phí hỗ trợ mua nguyên vật liệu, thiết bị và các khoản chi khác cũng như thời gian cần thiết để thực hiện;

c) Tổ thẩm định thảo luận chung để kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ (bao gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác), thời gian thực hiện. Tổ chức kiểm tra, xác minh phần kinh phí đối ứng (ngoài ngân sách nhà nước) của tổ chức đăng ký chủ trì nếu xét thấy cần thiết.

3. Tổ thẩm định có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở và đề xuất phương án xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết phát sinh trong quá trình xem xét hồ sơ nhiệm vụ để Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở xem xét quyết định khi:

a) Có sự thay đổi lớn về mục tiêu, nội dung của nhiệm vụ KH&CN cơ sở với kết luận của hội đồng cơ sở xét duyệt;

b) Không thống nhất ý kiến giữa tổ thẩm định và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN về kinh phí thực hiện;

c) Thành viên tổ thẩm định không nhất trí với kết luận chung của tổ thẩm định và đề nghị bảo lưu ý kiến.

Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở và bộ phận quản lý khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở:

a) Quyết định thành lập các Hội đồng cơ sở: Hội đồng xác định nhiệm vụ KH&CN; Hội đồng xét duyệt nhiệm vụ; Tổ thẩm định kinh phí (đối với nhiệm vụ KH&CN cơ sở ở các sở, ban, ngành); Hội đồng đánh giá và nghiệm thu kết quả thực hiện các nhiệm vụ cấp cơ sở;

b) Chịu trách nhiệm phê duyệt danh mục, nội dung các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở đã được Hội đồng cơ sở xét chọn để thực hiện; phê duyệt các kết quả của các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở;

c) Ký hợp đồng với các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở và giao trách nhiệm cho bộ phận quản lý KH&CN cấp cơ sở

theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện; tổ chức nghiệm thu, công bố, triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu của các nhiệm vụ KH&CN;

d) Tổng hợp tất cả các hồ sơ của các nhiệm vụ có sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học hoặc các nguồn kinh phí khác do đơn vị mình thực hiện trong năm để báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Trách nhiệm của bộ phận quản lý KH&CN cấp cơ sở:

a) Tổng hợp các đề cương thuyết minh và biên bản họp Hội đồng KH&CN của các nhiệm vụ để tham mưu cho lãnh đạo đơn vị cấp cơ sở tổ chức thẩm định trước khi trình thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở phê duyệt.

b) Tổng hợp hồ sơ về nhiệm vụ đã được Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở phê duyệt đăng ký thực hiện vào năm sau gửi về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 01 tháng 10 hàng năm;

c) Bộ phận quản lý KH&CN cơ sở của đơn vị cấp cơ sở có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo nội dung đã được phê duyệt.

3. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định về nội dung và kinh phí các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở do UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai trước khi Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở phê duyệt.

4. Đơn vị cấp cơ sở, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có trách nhiệm thực hiện việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

Điều 9. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

1. Thực hiện các nội dung đã được phê duyệt, sử dụng kinh phí đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước, báo cáo đầy đủ, đúng thời hạn kết quả thực hiện nội dung và sử dụng kinh phí.

2. Khi có thay đổi về nội dung, địa điểm, kinh phí, tiến độ thực hiện, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở phải báo cáo bằng văn bản cho thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở, bộ phận quản lý KH&CN cấp cơ sở.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có thể lựa chọn, phối hợp hoặc ký hợp đồng trách nhiệm với các tổ chức, cá nhân khác để triển khai thực hiện.

Chương IV
QUY TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 10. Xây dựng danh mục các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

1. Xác định nhu cầu nhiệm vụ KH&CN của đơn vị:

Hàng năm, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến trước ngày 30 tháng 5 của năm trước liền kề năm kế hoạch, các tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở cho năm sau thông qua việc tổ chức thông báo, lấy ý kiến rộng rãi của các cán bộ khoa học và các cán bộ quản lý trực thuộc đơn vị mình về các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết.

Trên cơ sở tập hợp các đề xuất nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng, áp dụng khoa học và công nghệ của các đơn vị, cá nhân, bộ phận quản lý KH&CN cấp cơ sở tiến hành xây dựng danh mục sơ bộ các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở cho năm sau.

2. Hội đồng cơ sở xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN được thành lập nhằm lựa chọn những nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở ưu tiên thực hiện.

a) Hội đồng có từ 9 đến 11 thành viên, trong đó, 1/2 số thành viên là đại diện cho các tổ chức và phòng ban liên quan trong đơn vị, 1/2 số thành viên là các cán bộ khoa học hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ có liên quan;

b) Trên cơ sở danh mục sơ bộ các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở của đơn vị đã tổng hợp, Hội đồng cơ sở xem xét, phân tích lựa chọn các nhiệm vụ ưu tiên thực hiện theo các tiêu chí quy định tại Điều 4 của Quy định này;

c) Hội đồng cơ sở bỏ phiếu lựa chọn nhiệm vụ cấp cơ sở theo ba loại: “Đề nghị thực hiện”, “Đề nghị thực hiện theo ý kiến của Hội đồng KH&CN” và “Đề nghị không thực hiện”;

Các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được đề nghị thực hiện phải có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng KH&CN có mặt đồng ý;

d) Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở phê duyệt danh mục các nhiệm vụ KH&CN được đề nghị thực hiện và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ (đính kèm danh mục và biên bản làm việc của Hội đồng cơ sở).

Điều 11. Thành phần hồ sơ nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

1. Trên cơ sở danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được phê duyệt, các sở, ban, ngành, các đơn vị thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố thông báo bằng văn bản đến các tổ chức, cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở lập hồ sơ.

2. Hồ sơ nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bao gồm:

a) Đơn đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (theo mẫu 1a – HD1 đối với đề tài, dự án; mẫu 1b – HD1 đối với đề tài KHXH&NV);

b) Thuyết minh đề cương chi tiết (theo mẫu tương ứng 2a – HD1; 2b – HD1; 2c – HD1);

c) Bảng tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (theo mẫu 3a – HD1 hoặc 3b – HD1);

d) Lý lịch khoa học của chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (theo mẫu 4a – HD1 hoặc 4b – HD1);

đ) Giấy xác nhận phối hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (nếu có): theo mẫu 5a – HD1 hoặc 5b – HD1.

3. Hồ sơ nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được gửi về bộ phận quản lý KH&CN cơ sở (Hồ sơ mỗi loại có số lượng là 11 bộ).

Điều 12. Quy trình và thủ tục làm việc của Hội đồng cơ sở xét duyệt hồ sơ nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

1. Hội đồng cơ sở xét duyệt hồ sơ nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có 07 thành viên, gồm chủ tịch, phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên; trong đó có 05 thành viên là các nhà khoa học, chuyên gia có uy tín, có trình độ chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Quy trình và thủ tục làm việc của Hội đồng cơ sở xét duyệt nhiệm vụ KH&CN.

a) Thư ký Hội đồng đọc quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần Hội đồng và các đại biểu tham dự;

b) Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp;

c) Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN trình bày đề cương thuyết minh nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở;

d) Hội đồng trao đổi, thảo luận, bổ sung hoặc sửa đổi những nội dung chi tiết

liên quan đến từng yếu tố cơ bản của đề cương thuyết minh. Nội dung thảo luận gồm:

- Mục tiêu cần đạt;
- Nội dung cần nghiên cứu;
- Phương pháp nghiên cứu;
- Kết quả dự kiến đạt được;
- Tổng mức kinh phí dự kiến.

đ) Hội đồng KH&CN cơ sở dùng phiếu chấm điểm đề cương thuyết minh chi tiết cho từng nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

Điều 13. Chấm điểm đề cương thuyết minh cho nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

1. Đối với đề tài KH&CN cấp cơ sở (tối đa 100 điểm) theo các nhóm tiêu chí sau:

- a) Đánh giá tổng quan (điểm tối đa 8);
- b) Nội dung, phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng (điểm tối đa 24);
- c) Tính mới, tính đủ của sản phẩm khoa học và công nghệ (điểm tối đa 16);
- d) Phương án chuyển giao ứng dụng các sản phẩm và phương án tổ chức để triển khai ứng dụng sản phẩm (điểm tối đa 16);
- đ) Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện (điểm tối đa 20);
- e) Năng lực của tổ chức và các cá nhân tham gia (điểm tối đa 16).

2. Đối với dự án KH&CN cấp cơ sở (tối đa 100 điểm) theo các nhóm tiêu chí sau:

- a) Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án (điểm tối đa 8);
- b) Nội dung và phương án triển khai (điểm tối đa 24);
- c) Tính mới và tính khả thi của công nghệ (điểm tối đa 12);
- d) Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế-xã hội dự kiến của dự án (điểm tối đa 16);
- đ) Phương án tài chính (điểm tối đa 24);

e) Năng lực thực hiện (điểm tối đa 16).

3. Đối với đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp cơ sở (tối đa 100 điểm) theo các nhóm tiêu chí sau:

a) Tổng quan tình hình nghiên cứu (điểm tối đa 12);

b) Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu (điểm tối đa 12);

c) Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu (điểm tối đa 12);

d) Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện (điểm tối đa 20);

đ) Tính mới của sản phẩm, lợi ích kết quả của đề tài và phương án chuyển giao sản phẩm, kết quả nghiên cứu (điểm tối đa 24);

e) Năng lực và kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện (điểm tối đa 20).

4. Thư ký Hội đồng kiểm phiếu đánh giá đề cương thuyết minh chi tiết nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở. Đề cương thuyết minh được thực hiện là đề cương thuyết minh có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá là 70 điểm trở lên và không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên có mặt cho điểm không (0 điểm).

Điều 14. Nguyên tắc và trình tự, nội dung làm việc của tổ thẩm định kinh phí

1. Nguyên tắc làm việc của tổ thẩm định:

a) Phải có mặt ít nhất 80% số thành viên tổ thẩm định, (đối với đơn vị cấp cơ sở là các sở, ban, ngành, Tổ thẩm định phải có thành viên là chủ tịch hoặc phó chủ tịch hoặc chuyên gia phản biện của Hội đồng cơ sở xét duyệt hồ sơ nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở);

b) Tổ trưởng tổ thẩm định chủ trì phiên họp.

2. Trình tự, nội dung làm việc của tổ thẩm định kinh phí

a) Thư ký Tổ thẩm định đọc quyết định thành lập tổ thẩm định, giới thiệu thành phần tổ thẩm định và các đại biểu tham dự, đọc những kết luận chính của hội đồng xét duyệt tại phiên họp đánh giá hồ sơ.

b) Tổ trưởng tổ thẩm định nêu những yêu cầu và nội dung chủ yếu về việc thẩm định kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

c) Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN trình bày những nội dung đã tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của hội đồng tại phiên đánh giá hồ sơ, trả lời các câu hỏi của thành viên tổ thẩm định.

d) Thành viên tổ thẩm định là chủ tịch hoặc phó chủ tịch hoặc chuyên gia phản biện của hội đồng cho ý kiến nhận xét đối với những nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở so với kết luận của hội đồng.

đ) Các thành viên tổ thẩm định nêu ý kiến thẩm định theo hướng dẫn tại Khoản 2 và 3 Điều 7.

e) Thư ký tổ thẩm định giúp tổ hoàn thiện biên bản thẩm định theo mẫu 5 – HD2 kèm theo Quy định này và tổng hợp trình thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở quyết định.

Điều 15. Hoàn thiện và phê duyệt đề cương thuyết minh nhiệm vụ KH&CN

1. Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của hội đồng, tổ thẩm định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có kết luận của tổ thẩm định và gửi về Bộ phận quản lý khoa học công nghệ cơ sở của đơn vị cấp cơ sở để trình phê duyệt.

2. Đơn vị cấp cơ sở có trách nhiệm xem xét, rà soát các hồ sơ trước khi phê duyệt. Trong trường hợp cần thiết có thể kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân được kiến nghị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

3. Trên cơ sở kết luận của hội đồng, của tổ thẩm định và kết quả rà soát, đề nghị của các đơn vị chức năng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Bộ phận quản lý khoa học công nghệ cơ sở của đơn vị cấp cơ sở có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ và kết quả trình thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở ký quyết định phê duyệt đề cương thuyết minh nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, tiến hành ký kết hợp đồng, làm căn cứ để bố trí kế hoạch thực hiện.

Điều 16. Tổ chức thực hiện và theo dõi giám sát tiến độ thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

1. Bộ phận quản lý KH&CN cơ sở của đơn vị cấp cơ sở theo thẩm quyền phải tiến hành tổ chức kiểm tra định kỳ và đánh giá quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở theo các nội dung sau:

a) Kiểm tra, giám sát khối lượng công việc và nội dung công việc theo đề cương thuyết minh đã duyệt.

b) Kiểm tra tình hình sử dụng kinh phí.

c) Có ý kiến trong việc điều chỉnh một phần nội dung nghiên cứu cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, hoặc chấm dứt việc thực hiện.

2. Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có trách nhiệm báo cáo cho bộ

phận quản lý KH&CN cấp cơ sở định kỳ sau mỗi đợt ứng kinh phí được quy định trong hợp đồng. Nội dung báo cáo cần ghi rõ khối lượng công việc đã triển khai, đánh giá kết quả sơ bộ đạt được, tình hình sử dụng kinh phí, kế hoạch triển khai giai đoạn tiếp theo.

Chương V

QUẢN LÝ VIỆC TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 17. Ký kết hợp đồng triển khai nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Mẫu hợp đồng áp dụng theo mẫu hợp đồng được ban hành theo Thông tư số 05/2014/TT-BKH&CN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 18. Báo cáo định kỳ, kiểm tra, điều chỉnh

1. Các cá nhân, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở lập báo cáo định kỳ (6 tháng, năm) về tình hình thực hiện đề tài, dự án gửi về đơn vị cấp cơ sở.

2. Đơn vị cấp cơ sở phối hợp với các tổ chức có liên quan định kỳ hoặc đột xuất (khi cần thiết) tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện các nội dung, tiến độ, sử dụng kinh phí và những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

Kết quả kiểm tra được lập thành biên bản lưu hồ sơ.

Đơn vị cấp cơ sở căn cứ vào kết quả kiểm tra để xem xét cho điều chỉnh, bổ sung kinh phí, cho dừng thực hiện đề tài, dự án nếu xét thấy cần thiết.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, nếu tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN xét thấy có những nội dung, yêu cầu cần điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế thì tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài có văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung và kinh phí gửi đến đơn vị cấp cơ sở. Đơn vị cấp cơ sở căn cứ thực tế xem xét, có ý kiến cho điều chỉnh nội dung, kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Quá trình xem xét này kéo dài không quá 01 tháng kể từ ngày đơn vị cấp cơ sở nhận đủ hồ sơ.

4. Trong trường hợp bất khả kháng (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, biến động quá lớn của thị trường...) dẫn đến đề tài, dự án không hoàn thành mục tiêu thì cá nhân, tổ chức chủ trì thực hiện đề tài, dự án, chủ nhiệm đề tài, dự án phải có văn

bản báo cáo giải trình, đề xuất những giải pháp cụ thể. Đơn vị cấp cơ sở căn cứ thực tế để xem xét, có ý kiến cho điều chỉnh nội dung, kinh phí thực hiện hoặc chấm dứt việc thực hiện đề tài, dự án. Quá trình xem xét này kéo dài không quá 01 tháng kể từ ngày đơn vị cấp cơ sở nhận đủ hồ sơ.

Điều 19. Quản lý tài chính đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được cấp phát theo hợp đồng và dự toán hàng năm đã được cơ quan quản lý đề tài, dự án KH&CN cấp cơ sở phê duyệt.

Việc lập, giao dự toán, thực hiện dự toán và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở căn cứ theo quy định hiện hành.

2. Kết thúc năm tài chính, kết thúc nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án phải lập hồ sơ quyết toán kinh phí gửi về đơn vị cấp cơ sở. Hồ sơ gồm:

- a) Báo cáo tình hình thực hiện nội dung và kinh phí đã được cấp;
- b) Báo cáo quyết toán (chi tiết và tổng hợp).

Chương VI

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 20. Nguyên tắc đánh giá và Hội đồng, Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

1. Nguyên tắc đánh giá:

a) Căn cứ vào nội dung nghiên cứu, thực hiện trong thuyết minh nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở đã phê duyệt; hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi là hợp đồng) đã ký kết và các nội dung đánh giá được quy định tại Quy định này.

b) Căn cứ vào hồ sơ đánh giá, nghiệm thu.

c) Đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công bằng, trung thực và chính xác.

2. Hội đồng, Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá nghiệm thu:

a) Hội đồng và tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở do Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở quyết định thành lập trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (sau đây gọi là Tổ chuyên gia) được thành lập trong trường hợp đề tài, dự án có sản phẩm đo kiểm được. Tổ chuyên gia có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định độ tin cậy, nhận định tính xác thực các sản phẩm của đề tài, dự án.

c) Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (sau đây gọi là Hội đồng) có 07 thành viên, gồm Chủ tịch, phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên; trong đó có 05 ủy viên là các nhà khoa học chuyên gia có uy tín, có trình độ chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

d) Tổ chuyên gia có 03 thành viên gồm các thành viên của hội đồng do chủ tịch hội đồng làm tổ trưởng.

đ) Những trường hợp không được tham gia Hội đồng:

- Chủ nhiệm, các cá nhân tham gia chính, tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ;

- Người đang bị xử phạt do vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích;

- Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm, thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ hoặc người có quyền và lợi ích liên quan khác;

- Người có bằng chứng xung đột lợi ích với chủ nhiệm hoặc tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

e) Trường hợp đặc biệt do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của đề tài, dự án, Thủ trưởng đơn vị chủ trì đề tài, dự án có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần hội đồng khác với qui định tại điểm c, khoản 2 Điều này.

Điều 21. Thành phần hồ sơ, nội dung hồ sơ đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

1. Thành phần hồ sơ gồm:

a) Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở của tổ chức chủ trì (theo Mẫu 1 – HD3).

b) Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (theo hướng dẫn tại Mẫu 3 – HD3).

- c) Báo cáo về sản phẩm khoa học và công nghệ của nhiệm vụ KH&CN.
- d) Bản sao hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ KH&CN.
- đ) Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, đào tạo, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có).
- e) Các số liệu (điều tra, khảo sát, phân tích...), sổ nhật ký của đề tài, dự án.
- g) Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ KH&CN.
- h) Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN do tổ chức chủ trì thực hiện (theo Mẫu 2 – HD3).
- i) Các tài liệu khác (nếu có).

2. Nộp hồ sơ nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

- a) Thời hạn nộp hồ sơ được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn hợp đồng (nếu có).
- b) Hồ sơ được gửi đến bộ phận quản lý KH&CN cơ sở thuộc cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN gồm 11 bộ.
 - c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, bộ phận quản lý KH&CN cơ sở có nhiệm vụ thông báo cho tổ chức chủ trì tính hợp lệ của hồ sơ theo Mẫu 6 – HD3 ban hành kèm theo Quy định này. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định thì Tổ chức chủ trì phải bổ sung trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của đơn vị quản lý nhiệm vụ KH&CN.

Điều 22. Quy trình và thủ tục làm việc của Hội đồng cơ sở đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

1. Tài liệu đánh giá, nghiệm thu được quy định tại khoản 1 Điều 21 của Quy định này phải được bộ phận quản lý KH&CN cơ sở gửi đến các thành viên hội đồng và tổ chuyên gia (nếu có) trước phiên họp ít nhất 03 ngày làm việc.

2. Phiên họp hội đồng được tổ chức trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập hội đồng và Hội đồng chỉ tiến hành họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng tham dự, trong đó có chủ tịch, 02 ủy viên phản biện.

3. Thành phần tham dự các phiên họp của hội đồng bao gồm: Thành viên hội đồng, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN, đại diện tổ chức chủ trì, đại diện cơ quan chủ quản, đại diện tổ chức có liên quan thuộc đơn vị chủ trì nhiệm vụ KH&CN, các thành viên khác do đơn vị cấp cơ sở mời trong trường hợp cần thiết.

4. Chương trình họp Hội đồng:

- a) Thư ký công bố quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu thành phần và đại biểu tham dự;

b) Đại diện đơn vị cấp cơ sở nêu những nội dung, yêu cầu chủ yếu đối với việc đánh giá, nghiệm thu quy định tại Quy định này;

c) Chủ tịch hội đồng chủ trì các phiên họp của hội đồng.

5. Trình tự làm việc của Hội đồng:

a) Chủ tịch hội đồng thống nhất và thông qua nội dung làm việc của Hội đồng theo các quy định của Quy định này;

b) Chủ nhiệm đề tài, dự án trình bày tóm tắt quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ, báo cáo về sản phẩm khoa học và công nghệ và báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

c) Các thành viên hội đồng nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN về kết quả và các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ KH&CN. Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN và các cá nhân có liên quan trả lời các câu hỏi của hội đồng (nếu có);

d) Tổ trưởng tổ chuyên gia báo cáo kết quả thẩm định đối với nhiệm vụ KH&CN (nếu có); các ủy viên phản biện đọc nhận xét đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ; Ủy viên thư ký đọc phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có); các thành viên hội đồng nêu ý kiến trao đổi về kết quả nhiệm vụ;

đ) Các thành viên hội đồng đánh giá xếp loại nhiệm vụ KH&CN theo Mẫu 8 – HD3 kèm theo Quy định này; thư ký khoa học kiểm phiếu tổng hợp và báo cáo kết quả kiểm phiếu theo Mẫu 9 – HD3 kèm theo Quy định này;

e) Ủy viên thư ký ghi chép các ý kiến thảo luận tại các phiên họp, kiểm phiếu, tổng hợp ý kiến của các thành viên hội đồng, xây dựng và hoàn thiện biên bản đánh giá, nghiệm thu theo ý kiến kết luận tại phiên họp của hội đồng;

g) Chủ tịch hội đồng dự thảo kết luận đánh giá của hội đồng theo Mẫu 10 – HD3 kèm theo Quy định này. Trường hợp hội đồng đánh giá xếp loại “Không đạt” cần xác định rõ những nội dung đã thực hiện theo hợp đồng để Đơn vị chủ trì nhiệm vụ KH&CN xem xét xử lý theo quy định hiện hành. Hội đồng thảo luận để thống nhất từng nội dung kết luận và thông qua biên bản;

h) Đại diện các tổ chức phát biểu ý kiến (nếu có).

6. Ý kiến kết luận của Hội đồng được bộ phận quản lý KH&CN cơ sở gửi cho Tổ chức chủ trì trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi kết thúc phiên họp để làm căn cứ cho việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

7. Yêu cầu đánh giá của Hội đồng

a) Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN thông qua phiếu đánh giá nhiệm vụ KH&CN.

b) Các thành viên Hội đồng đánh giá một cách độc lập, không trao đổi về kết quả đánh giá của mình.

c) Phiếu đánh giá hợp lệ là phiếu đánh giá đúng quy định cho từng nội dung đánh giá.

d) Phiếu không hợp lệ là phiếu do thành viên bỏ trống hoặc đánh giá không theo quy định.

đ) Kết quả xếp loại chung của nhiệm vụ KH&CN dựa trên kết quả đánh giá của từng chuyên gia theo quy định tại khoản 4 Điều 23 của Quy định này.

Điều 23. Nội dung đánh giá, phương pháp đánh giá nghiệm thu và xếp loại nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

1. Nội dung đánh giá

a) Đánh giá về Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (gọi tắt là Báo cáo tổng hợp): đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô-gíc của báo cáo (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng, quy trình kỹ thuật ứng dụng của đề tài, dự án. ...) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn);

b) Đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN so với yêu cầu của thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: Số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm.

2. Yêu cầu cần đạt đối với báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở:

a) Tổng quan được các kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến nhiệm vụ KH&CN;

b) Số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật;

c) Nội dung báo cáo là toàn bộ kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án được trình bày theo kết cấu hệ thống và lô-gíc khoa học, với các luận cứ khoa học có cơ sở lý luận và thực tiễn cụ thể giải đáp những vấn đề nghiên cứu đặt ra, phản ánh trung thực kết quả nhiệm vụ KH&CN phù hợp với thông lệ chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học;

d) Kết cấu nội dung, văn phong khoa học phù hợp.

3. Đánh giá của thành viên Hội đồng

a) Mỗi chủng loại sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN đánh giá trên các tiêu chí về số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm theo 03 mức sau: “Xuất sắc” khi vượt mức so với đặt hàng; “Đạt” khi đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng; “Không đạt” không đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng.

b) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đánh giá theo 03 mức sau: “Xuất sắc” khi báo cáo đã hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản

2 Điều này; “Đạt” khi báo cáo tổng hợp cần chỉnh sửa, bổ sung và có thể hoàn thiện; “Không đạt” khi không thuộc hai trường hợp trên.

c) Đánh giá chung nhiệm vụ KH&CN theo 03 mức sau:

- “Xuất sắc” khi tất cả tiêu chí về sản phẩm đều đạt mức “Xuất sắc” và Báo cáo đạt mức “Đạt” trở lên;

- “Đạt” khi đáp ứng đồng thời các yêu cầu: Tất cả các tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên; Ít nhất 3/4 tiêu chí về khối lượng, số lượng sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên (những sản phẩm không đạt về khối lượng, số lượng thì vẫn phải đảm bảo đạt ít nhất 3/4 so với đặt hàng); Báo cáo đạt mức “Đạt” trở lên;

- “Không đạt” khi không thuộc hai trường hợp trên hoặc nộp hồ sơ chậm quá 06 tháng kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn (nếu có).

4. Đánh giá, xếp loại của Hội đồng

a) Mức “Xuất sắc” nếu nhiệm vụ KH&CN có ít nhất 3/4 số thành viên hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức “Xuất sắc” và không có thành viên đánh giá ở mức “Không đạt”;

b) Mức “Không đạt” nếu nhiệm vụ KH&CN có nhiều hơn 1/3 số thành viên hội đồng có mặt đánh giá mức “Không đạt”;

c) Mức “Đạt” nếu nhiệm vụ KH&CN không thuộc điểm a và điểm b Khoản này.

5. Đối với nhiệm vụ KH&CN được hội đồng đánh giá ở mức “Đạt” trở lên, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi có kết quả đánh giá, chủ nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến kết luận của hội đồng.

Đơn vị cấp cơ sở phối hợp với chủ tịch hội đồng kiểm tra, giám sát việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của nhiệm vụ KH&CN. Chủ tịch hội đồng xác nhận về việc hoàn thiện hồ sơ của chủ nhiệm vụ KH&CN.

6. Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

a) Nhiệm vụ KH&CN được quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN và tài sản đã mua sắm bằng ngân sách nhà nước được kiểm kê và bàn giao theo quy định hiện hành.

b) Đối với nhiệm vụ KH&CN xếp loại ở mức “Không đạt”, Đơn vị quản lý nhiệm vụ KH&CN chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

c) Việc công bố và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo các quy định hiện hành.

d) Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm vụ KH&CN có kết quả thực hiện bị đánh giá ở mức “Không đạt” hoặc không gửi Hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu về Đơn vị quản lý nhiệm vụ KH&CN đúng thời gian quy định sẽ bị hạn chế quyền đăng

ký thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều 5 của Quy định này.

Chương VII

KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ

Điều 24. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được hình thành từ các nguồn sau:

1. Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở do UBND các huyện, thị xã, thành phố quản lý, tổ chức thực hiện sử dụng nguồn kinh phí ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm của địa phương do tỉnh phân bổ.

2. Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở do các sở ban ngành quản lý, tổ chức thực hiện sử dụng nguồn kinh phí ngân sách sự nghiệp của ngành.

3. Nguồn kinh phí của các đơn vị chủ trì: tổ chức chủ trì, tổ chức khoa học và công nghệ tham gia thực hiện nhiệm vụ cấp cơ sở sẽ cùng với Nhà nước chịu một phần chi phí thực hiện, hoặc từ các nguồn tài trợ khác.

4. Nguồn tham gia đóng góp của các doanh nghiệp hoặc các tổ chức có nhu cầu sử dụng kết quả nghiên cứu.

5. Kinh phí từ các nguồn khác.

6. Định mức chi cho các hoạt động của các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được dự toán theo các quy định tài chính hiện hành, định mức kinh tế kỹ thuật của các ngành thuộc lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN và các quy định khác có liên quan.

Chương VIII

ĐĂNG KÝ, LƯU GIỮ VÀ CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ

Điều 25. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở thực hiện việc đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở theo Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về khoa học và công nghệ hiện hành.

Điều 26. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

1. Hồ sơ công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ bao gồm:

- a) Biên bản họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu;
- b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ;
- c) Báo cáo về việc hoàn thiện Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu theo Mẫu 11 – HD3 ban hành kèm theo Quy định này;
- d) Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ hoàn thiện sau nghiệm thu.

2. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này, Thủ trưởng Đơn vị cấp cơ sở có trách nhiệm xem xét ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài, dự án theo Mẫu 12 – HD3 ban hành kèm theo Quy định này.

Chương IX TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Xử lý vi phạm

Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân mà có hành vi vi phạm về quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm có thể bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan có quyền khiếu nại về các quyết định hành chính, kết quả đánh giá của hội đồng; cá nhân có quyền tố cáo các hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân trong quá trình tổ chức đánh giá đề tài, dự án.

2. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo hiện hành.

Điều 29. Hướng dẫn thực hiện

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ xem xét hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thực hiện đúng quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có những vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, UBND các huyện, thị xã, thành phố; các sở, ban, ngành đề xuất UBND tỉnh (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ) sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Tiến Phương

www.LuatVietnam.vn